

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1285/QĐ-UBND**

Bắc Kạn, ngày **22** tháng **7** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Kạn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Kạn (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 7 năm 2021.

Điều 3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của

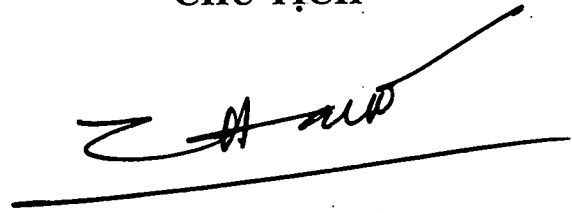
các thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/h);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Trung tâm CNTT&TT;
- Lưu: VT, NCPC (Vân).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Long Hải

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH BẮC KẠN**

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
1	Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC: Sở Khoa học và Công nghệ - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh
2	Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh		

PHẦN II. NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục tuyển chọn tổ chức, các nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

* Trình tự thực hiện:

Bước 1: Thông báo tuyển chọn

Căn cứ danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ và ít nhất một trong các phương tiện thông tin đại chúng: Báo Bắc Kạn, Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo khoa học và phát triển, *trừ các nhiệm vụ thuộc bí mật quốc gia và đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng để các cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ tham gia tuyển chọn.*

Bước 2: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn *đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn. Thời hạn nộp hồ sơ 60 ngày tính từ ngày thông báo đối với hồ sơ thực hiện theo phương thức tuyển chọn.*

Bước 3. Mở hồ sơ và đánh giá hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức mở hồ sơ và đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn.

Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức mở hồ sơ. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn. Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn tiến hành đánh giá, tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Bước 4. Phê duyệt kết quả tuyển chọn

Trên cơ sở kết quả tư vấn lựa chọn của Hội đồng tuyển chọn, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tổ chức, cá nhân trúng tuyển và thông báo đến tổ chức, cá nhân.

Tổ chức, cá nhân trúng tuyển hoàn chỉnh nội dung thuyết minh, dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo kiến nghị của Hội đồng tuyển chọn trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày nhận được thông báo kết quả tuyển chọn.

* Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn *đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn, địa chỉ: Tổ 7, Phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn bằng hình thức: trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.*

*** Thành phần hồ sơ:**

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với các tổ chức khoa học công nghệ);

+ Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

+ Thuyết minh đề tài, dự án (theo mẫu phù hợp với từng loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ);

+ Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ và gửi kèm theo kết quả đánh giá hoạt động hàng năm (03 năm trở lại đây) của tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có);

+ Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự;

+ Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có hoạt động phối hợp);

+ Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực khoa học và công nghệ, trang thiết bị của đơn vị phối hợp và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện (trường hợp có đơn vị phối hợp, huy động vốn từ nguồn khác);

+ Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật phải có vốn đối ứng: Văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước (báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong 02 năm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của các tổ chức tín dụng; cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của tổ chức chủ trì và các tổ chức tham gia dự án);

+ Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

+ Bản cam kết duy trì, ứng dụng kết quả dự án của các địa phương - nơi thực hiện đề tài, dự án.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ gốc và 09 bản sao.

*** Thời hạn giải quyết:** 75 ngày

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị bổ sung hồ sơ. Đến hết thời hạn nộp hồ sơ (60 ngày kể từ ngày thông báo đối với hồ sơ thực hiện theo phương thức tuyển chọn) nhưng Sở không nhận được văn bản giải trình lý do, không bổ sung được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo từ chối xử lý hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thông báo đối với hồ sơ thực hiện theo phương thức tuyển chọn, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức mở hồ sơ, đánh giá hồ sơ tham gia tuyển chọn và phê duyệt kết quả tuyển chọn.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

* **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: *Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh*

* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** *Quyết định phê duyệt tổ chức, cá nhân trúng tuyển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.*

* **Lệ phí:** Không

* **Tên mẫu đơn, tờ khai**

+ Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu *B1-1-DON*;

+ Thuyết minh đề tài, dự án (theo mẫu phù hợp với từng loại hình nhiệm vụ KH&CN) theo mẫu: *B1-2a-TMĐT-DACN; B1-2b-TMĐTXH; B1-2c-TMDASXTN; B1-2d-TMĐA*;

+ Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ và gửi kèm theo kết quả đánh giá hoạt động hàng năm (03 năm trở lại đây) của tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có) theo mẫu *B1-3-LLTC*;

+ Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự theo mẫu *B1-4-LLKH*;

+ Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có hoạt động phối hợp) theo mẫu *B1-5-PHNC*.

* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) *Các tổ chức có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có con dấu và tài khoản có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.*

b) *Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:*

+ *Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trước đây;*

+ *Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có);*

+ *Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác có sử dụng ngân sách nhà nước;*

+ Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

c) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ cấp tỉnh phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

+ Có trình độ đại học trở lên;

+ Có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phù hợp với nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong 03 năm gần nhất, tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

+ Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

Trường hợp khác với các yêu cầu tại các điểm a, b, c do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở ý kiến của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp.

d. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

+ Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác;

+ Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có);

+ Có nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức "không đạt" sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian là 02 năm kể từ khi có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh;

+ Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình làm chủ nhiệm sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 03 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền."

*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

+ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

+ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa

học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ tục giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

*** Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Thông báo

Căn cứ danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ và ít nhất một trong các phương tiện thông tin đại chúng: Báo Bắc Kạn, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo khoa học và phát triển, trừ các nhiệm vụ thuộc bí mật quốc gia và đặc thù phục vụ an ninh, quốc phòng để các cá nhân, tổ chức chuẩn bị hồ sơ.

Bước 2: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn. Thời hạn nộp hồ sơ 30 ngày tính từ ngày Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bước 3. Đánh giá hồ sơ

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn giao trực tiếp. Hội đồng tiến hành đánh giá hồ sơ từng nhiệm vụ trong thời hạn 30 ngày.

Căn cứ kết quả đánh giá của Hội đồng, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ chỉnh sửa hồ sơ trong thời hạn 30 ngày.

Bước 4. Thẩm định nội dung và kinh phí

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Tổ thẩm định nội dung và kinh phí và tổ chức họp thẩm định.

Trên cơ sở Biên bản thẩm định, tổ chức, cá nhân chỉnh sửa hồ sơ trong thời hạn 15 ngày.

Bước 5. Phê duyệt kết quả

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

*** Cách thức thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bắc Kạn, địa chỉ: Tổ 7, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn bằng hình thức: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

*** Thành phần hồ sơ:**

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với các tổ chức khoa học công nghệ);

+ Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

+ Thuyết minh đề tài, dự án (theo mẫu phù hợp với từng loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ);

+ Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ và gửi kèm theo kết quả đánh giá hoạt động hàng năm (03 năm trở lại đây) của tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có);

+ Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự

+ Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có hoạt động phối hợp);

+ Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực khoa học và công nghệ, trang thiết bị của đơn vị phối hợp và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện (trường hợp có đơn vị phối hợp, huy động vốn từ nguồn khác);

+ Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật phải có vốn đối ứng: Văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước (báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong 02 năm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của các tổ chức tín dụng; cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của tổ chức chủ trì và các tổ chức tham gia dự án);

+ Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

+ Bản cam kết duy trì, ứng dụng kết quả dự án của các địa phương - nơi thực hiện đề tài, dự án.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 09 bản sao.

* Thời hạn giải quyết: 105 ngày.

+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu quy định, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị bổ sung hồ sơ. Đến hết thời hạn nộp hồ sơ (30 ngày kể từ ngày thông báo đối với hồ sơ thực hiện theo phương thức giao trực tiếp) nhưng Sở không nhận được văn bản giải trình lý do, không bổ sung được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo từ chối xử lý hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ:

+ Trong thời hạn 30 ngày, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng tư vấn giao trực tiếp đánh giá hồ sơ;

+ Trong thời hạn 30 ngày, tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ theo ý kiến góp ý theo kết luận của Hội đồng tư vấn giao trực tiếp đánh giá hồ sơ;

+ Trong thời hạn 15 ngày, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định nội dung và kinh phí nhiệm vụ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

* **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- **Lệ phí:** Không

- **Tên mẫu đơn, tờ khai:**

+ Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu *B1-1-DON*;

+ Thuyết minh đề tài, dự án (theo mẫu phù hợp với từng loại hình nhiệm vụ KH&CN) theo mẫu: *B1-2a-TMĐT-DACN*; *B1-2b-TMĐTXH*; *B1-2c-TMDASXTN*; *B1-2d-TMĐA*;

+ Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ và gửi kèm theo kết quả đánh giá hoạt động hàng năm (03 năm trở lại đây) của tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có) theo mẫu *B1-3-LLTC*;

+ Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự theo mẫu *B1-4-LLKH*;

+ Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có hoạt động phối hợp) theo mẫu *B1-5-PHNC*.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

a) Các tổ chức có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có con dấu và tài khoản có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

b) Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

+ Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trước đây;

+ Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do

mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có);

+ Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa hoàn thành việc đăng ký, nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác có sử dụng ngân sách nhà nước;

+ Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

c) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ cấp tỉnh phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

+ Có trình độ đại học trở lên;

+ Có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phù hợp với nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh trong 03 năm gần nhất, tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

+ Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh;

Trường hợp khác với các yêu cầu tại các điểm a, b, c do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở ý kiến của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp.

d) Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh:

+ Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác;

+ Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có);

+ Có nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức "không đạt" sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian là 02 năm kể từ khi có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh;

+ Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh khác do mình làm chủ nhiệm sẽ không được tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 03 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền".

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- + Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
- + Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;
- + Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;
- + *Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*
- + *Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;*
- + *Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều tại Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.*
- + *Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*** Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung**

PHỤ LỤC BIỂU MẪU THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Biểu B1-1-ĐƠN

TÊN TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ³ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Kạn.

Căn cứ thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Kạn về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 20..., chúng tôi:

a)

(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký làm cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN)

b)

(Họ và tên, học vị, chức vụ, địa chỉ cá nhân đăng ký chủ nhiệm)

Đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN (đề tài hoặc dự án SXTN hoặc đề án...):

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

Mã số của Chương trình:

Hồ sơ gồm có:

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đối với các tổ chức khoa học công nghệ là: Trung tâm, Doanh nghiệp).

2. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Biểu B1-1-ĐƠN).

3. Thuyết minh dự án (Biểu B1-2a-TMĐT-DACN).

4. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Biểu B1-3-LLTC) và gửi kèm theo kết quả đánh giá hoạt động hàng năm của tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có).

5. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (Biểu B1-4-LLCN).

6. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Nếu có) (Biểu B1-5-PHNC).

7. Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực khoa học và công nghệ, trang thiết bị của

³ Trình bày và in trên khổ giấy A4

đơn vị phối hợp và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện (trường hợp có đơn vị phối hợp, huy động vốn từ nguồn khác).

8. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật phải có vốn đối ứng: Văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước (báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong 02 năm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của các tổ chức tín dụng; cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của tổ chức chủ trì và các tổ chức tham gia dự án).

9. Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

10. Bản cam kết duy trì, ứng dụng kết quả dự án của các địa phương - nơi thực hiện dự án.

11. Tài liệu khác (Nếu có)

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là đúng sự thật.

....., ngày.....tháng.....năm 20...

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

² Ghi số người đăng ký *tham gia chính* thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

TÓM TẮT HỒ SƠ KH & CN⁴
CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP
TỈNH

1. Tên tổ chức:		
<i>Năm thành lập:</i>		
Địa chỉ:	Website:	
Điện thoại:	Fax:	E-mail:
2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH & CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiệm vụ KH & CN.		
3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức		
TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Tổng số
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	
4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ		
TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Số trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	
5. Kinh nghiệm và thành tựu KH & CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến nhiệm vụ KH & CN tuyển chọn /giao trực tiếp của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đã kê khai ở mục 4 trên đây (Nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài /dự án /đề án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH & CN và sản xuất kinh doanh khác, ...)		
6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến nhiệm vụ KH & CN:		
- Nhà xưởng:		
- Trang thiết bị chủ yếu:		
7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách SNKH) cho việc thực hiện nhiệm vụ KH & CN đăng ký.		
• Vốn tự có: triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).		
• Nguồn vốn khác: triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).		

....., ngày tháng năm 20...

THỦ TRƯỞNG

Tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ kh & CN
 (Họ, tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)

⁴ Trình bày và in trên khổ giấy A4.

**LÝ LỊCH KHOA HỌC
CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN CHÍNH NHIỆM VỤ KH & CN⁵**

Đăng ký Chủ nhiệm nhiệm vụ:
 Đăng ký Tham gia thực hiện nhiệm vụ⁶:

1. Họ và tên:				
2. Năm sinh:		3. Nam/Nữ:		
4. Học hàm: Học vị:		Năm được phong học hàm: Năm đạt học vị:		
5. Chức danh nghiên cứu: Chức vụ:				
6. Địa chỉ nhà riêng:				
7. Điện thoại: CQ:		; NR:	; Mobile:	
8. Fax:		E-mail:		
9. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm:				
Tên tổ chức :				
Tên người Lãnh đạo:				
Điện thoại người Lãnh đạo:				
Địa chỉ tổ chức:				
10. Quá trình đào tạo				
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp	
Đại học				
Thạc sỹ				
Tiên sỹ				
Thực tập sinh khoa học				
11. Quá trình công tác				
Thời gian (Từ năm ... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức	
12. Các công trình công bố chủ yếu				
<i>(liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến nhiệm vụ KH & CN đăng ký trong 5 năm gần nhất)</i>				
TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố

⁵ Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện chính đề tài /đề án hoặc dự án SXTN cấp tỉnh. Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

⁶ Nếu đăng ký tham gia, ghi số thứ tự theo mục 12 bản thuyết minh đề tài KHCN hoặc mục 10 bản thuyết minh đề tài KHXX /đề án hoặc mục 11 bản Thuyết minh dự án SXTN tương ứng.

13. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp... (liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)			
TT	Tên và nội dung văn bằng		Năm cấp văn bằng
14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn (liên quan đến nhiệm vụ KH & CN đăng ký - nếu có)			
TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)
15. Các đề tài /đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia (trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài /đề án, dự án đăng ký - nếu có)			
Tên đề tài /đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
Tên đề tài /đề án, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
16. Giải thưởng (về KH & CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài /đề án, dự án đăng ký - nếu có)			
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng		Năm tặng thưởng
17. Thành tựu hoạt động KH & CN và sản xuất kinh doanh khác (liên quan đến đề tài, dự án đăng ký - nếu có)			

....., ngày tháng năm 20...

Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký
chủ nhiệm (hoặc tham gia thực hiện chính) đề
tài /đề án, Dự án⁷

(Xác nhận và đóng dấu)
Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết
để Ông, Bà chủ trì (tham gia) thực hiện
đề tài /đề án, dự án

Cá nhân đăng ký chủ nhiệm
(hoặc tham gia thực hiện chính)
đề tài /đề án, Dự án
(Họ tên, chữ ký)

⁷ Nhà khoa học không thuộc tổ chức KH & CN nào thì không cần làm thủ tục xác nhận này.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP NGHIÊN CỨU⁸
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Kạn.

1. Tên đề tài, đề án, dự án SXTN đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:

.....
.....

Thuộc Chương trình KH &CN (nếu có):

Mã số của Chương trình:

Thuộc lĩnh vực KH &CN:

2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì đề tài, đề án, dự án SXTN

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì đề tài, đề án, dự án SXTN

.....
- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài, đề án, dự án SXTN

3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài, đề án, dự án SXTN

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện đề tài, đề án, dự án SXTN

Địa chỉ

Điện thoại

4. Nội dung công việc tham gia trong đề tài, đề án, dự án (và kinh phí tương ứng) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản thuyết minh đề tài, đề án, dự án SXTN của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

Khi Hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Quý Sở hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của đề tài, đề án, dự án SXTN.

....., ngàytháng năm 20....

CÁ NHÂN
Đăng ký chủ nhiệm
(Họ, tên và chữ ký)

Thủ trưởng
Tổ chức đăng ký chủ trì
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Thủ trưởng
Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

⁸ Giấy xác nhận được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

Biểu B1-2a-TMĐT-DACN

**THUYẾT MINH
ĐỀ TÀI/DỰ ÁN NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG
VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH¹**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN

1	Tên Đề tài/Dự án	1a	Mã số (được cấp khi được phê duyệt)
2	Thời gian thực hiện: tháng (Từ tháng /20.. đến tháng /20...)	3	Cấp quản lý Tỉnh <input type="checkbox"/>
4	Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng, trong đó:		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học		
	- Từ nguồn tự có của tổ chức		
	- Từ nguồn khác		
5	Phương thức khoán chi:		
	<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó:	
		- Kinh phí khoán:triệu đồng	
		- Kinh phí không khoán:triệu đồng	
6	<input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), Mã số: <input type="checkbox"/> Thuộc dự án KH&CN <input type="checkbox"/> Độc lập <input type="checkbox"/> Khác		
7	Lĩnh vực khoa học		
	<input type="checkbox"/> Tự nhiên;	<input type="checkbox"/> Nông, lâm, ngư nghiệp;	
	<input type="checkbox"/> Kỹ thuật và công nghệ;	<input type="checkbox"/> Y dược.	
8	Chủ nhiệm Đề tài/Dự án		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: <input type="checkbox"/> / <input type="checkbox"/>		
	Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:		
	Chức danh khoa học: Chức vụ.....		
	Điện thoại:		
	Tổ chức: Nhà riêng: Mobile:		
	Fax: E-mail:		
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		
	Địa chỉ nhà riêng:		
9	Thư ký Đề tài/Dự án		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh: Nam/ Nữ:		

¹ Bản Thuyết minh đề tài này dùng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc 4 lĩnh vực khoa học nêu tại mục 7 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn:
 Chức danh khoa học: Chức vụ:
 Điện thoại:
 Tổ chức: Nhà riêng: Mobile:
 Fax: E-mail:
 Tên tổ chức đang công tác:
 Địa chỉ tổ chức:
 Địa chỉ nhà riêng:

10 **Tổ chức chủ trì Đề tài/Dự án**
 Tên tổ chức chủ trì Đề tài/Dự án:
 Điện thoại: Fax:
 Website:
 Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
 Số tài khoản:
 Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:
 Tên cơ quan chủ quản Đề tài/Dự án:

11 **Các tổ chức phối hợp chính thực hiện Đề tài/Dự án (nếu có)**

1. **Tổ chức 1** :
 Tên cơ quan chủ quản
 Điện thoại: Fax:
 Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
 Số tài khoản:
 Ngân hàng:

2. **Tổ chức 2** :
 Tên cơ quan chủ quản
 Điện thoại: Fax:
 Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
 Số tài khoản:
 Ngân hàng:

12 **Các cán bộ thực hiện Đề tài/Dự án**
(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện Đề tài/Dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm Đề tài/Dự án. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung, công việc chính tham gia	Thời gian làm việc cho Đề tài/Dự án (Số tháng quy đổi ²)
1				
2				
...				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI/DỰ ÁN

13 **Mục tiêu của Đề tài/Dự án (Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)**

² Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng

14	<p style="text-align: center;">Tình trạng Đề tài/Dự án</p> <p style="text-align: center;"> <input type="checkbox"/> Mới <input type="checkbox"/> Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả <input type="checkbox"/> Kế tiếp nghiên cứu của người khác </p>
15	<p style="text-align: center;">Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của Đề tài/Dự án</p> <p style="text-align: center;">15.1 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của Đề tài/Dự án</p> <p><i>Ngoài nước (Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của Đề tài/Dự án; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó)</i></p> <p><i>Trong nước (Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của Đề tài/Dự án, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến Đề tài/Dự án mà các cán bộ tham gia Đề tài/Dự án đã thực hiện. Nếu có các Đề tài/Dự án cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến Đề tài/Dự án này; Nếu phát hiện có Đề tài/Dự án đang tiến hành mà Đề tài/Dự án này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên Đề tài/Dự án, Tên Chủ nhiệm Đề tài/Dự án và cơ quan chủ trì Đề tài/Dự án đó)</i></p> <p>15.2 Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của Đề tài/Dự án <i>(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu Đề tài/Dự án, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của Đề tài/Dự án và những nội dung cần thực hiện trong Đề tài/Dự án để đạt được mục tiêu)</i></p>
16	<p style="text-align: center;">Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến Đề tài/Dự án đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan</p> <p><i>(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu Đề tài/Dự án).</i></p>
17	<p style="text-align: center;">Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của Đề tài/Dự án và phương án thực hiện</p> <p><i>(Liệt kê và mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các Đề tài/Dự án trước đó; dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục - nếu có).</i></p> <p>Nội dung 1:</p> <p>Nội dung 2:</p> <p>Nội dung 3:</p>
18	<p style="text-align: center;">Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng</p> <p><i>(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của Đề tài/Dự án; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của Đề tài/Dự án)</i></p> <p style="text-align: center;">Cách tiếp cận:</p>

**Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:
Tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo:**

19	Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước				
<i>(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện Đề tài/Dự án và nội dung công việc tham gia trong Đề tài/Dự án, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng-nếu có).</i>					
20	Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)				
<i>(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ Đề tài/Dự án; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của Đề tài/Dự án)</i>					
21	Tiến độ thực hiện				
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nội dung 1				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
2	Nội dung 2				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				

* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 12

III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI/DỰ ÁN/DỰ ÁN

22	Sản phẩm KH&CN chính của Đề tài/Dự án và yêu cầu chất lượng cần đạt (Liệt kê theo dạng sản phẩm)					
Dạng I: Mẫu (model, maket); Sản phẩm (là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác;						
Số TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
22.1 Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng I) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của Đề tài/Dự án)						
Dạng II: Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác						
TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt			Ghi chú	
(1)	(2)	(3)			(4)	

Dạng III: Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác				
Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
22.2 Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng II & III) so với các sản phẩm tương tự hiện có (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của Đề tài/Dự án)				
22.3 Kết quả tham gia đào tạo sau đại học				
TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Thạc sĩ			
	Tiến sĩ			
22.4 Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:				
23	Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu			
23.1 Khả năng về thị trường (Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?)				
23.2 Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh (Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)				
23.3 Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu				
23.4 Mô tả phương thức chuyển giao				
(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra...)				
24	Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của Đề tài/Dự án			
25	Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu			
25.1 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan (Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)				
25.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu				
25.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường (Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)				

V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI/DỰ ÁN/ VÀ GUỒN KINH PHÍ
(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

26	Kinh phí thực hiện Đề tài/Dự án phân theo các khoản chi						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Trả công lao động (khoa học, phổ thông)	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng kinh phí <i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất*: - Năm thứ hai*: - Năm thứ ba*:						
2	Nguồn tự có của cơ quan						
3	Nguồn khác (vốn huy động, ...)						

(*) : chỉ dự toán khi Đề tài/Dự án đã được phê duyệt

....., ngày..... tháng năm 20....

....., ngày..... tháng năm 20....

Chủ nhiệm Đề tài/Dự án
(Họ tên và chữ ký)

Tổ chức chủ trì Đề tài/Dự án
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng năm 20....

....., ngày..... tháng năm 20....

Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Kạn
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

^{3,4,5} *Chữ ký đóng dấu khi Đề tài/Dự án được phê duyệt*

Phụ lục
DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI/DỰ ÁN

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn								Tự có	Khác
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH									
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định*		
1	2	3	4	5=(7+9+11)	6=(8+10+12)	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Trả công lao động (khoa học, phổ thông)												
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng												
3	Thiết bị, máy móc												
4	Xây dựng, sửa chữa nhà												
5	Chi khác												
	Tổng cộng												

* Chi dự toán khi Đề tài/Dự án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các Đề tài/Dự án, dự án SXTN)

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI
Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung lao động Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 17 của thuyết minh	Tổng số		Nguồn vốn										
		Mục chi	Tổng	Ngân sách SNKH						Tự có	Khác			
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định *			Năm thứ ba		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
1	Nội dung 1													
	- Sản phẩm 1													
	- Sản phẩm 2													
2	Nội dung 2													
	- Sản phẩm 1													
	- Sản phẩm 2													
	Tổng cộng													

* Chỉ dự toán khi Đề tài/Dự án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các Đề tài/Dự án, dự án SXTN)

* Chỉ dự toán khi Đề tài/Dự án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các Đề tài/Dự án, dự án SXTN)

Khoản 3. Thiết bị, máy móc
Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mục chi	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						
							Ngân sách SNKH			Tự có	Khác		
							Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*			Năm thứ ba*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
I	<i>Thiết bị hiện có tham gia thực hiện Đề tài/Dự án⁷</i>												
II	<i>Thiết bị, công nghệ mua mới</i>												
III	<i>Khấu hao thiết bị⁸</i>												
IV	<i>Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)</i>												
V	<i>Vận chuyển lắp đặt</i>												
Cộng:													

* Chỉ dự toán khi Đề tài/Dự án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các Đề tài/Dự án, dự án SXTN)

⁷ Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3.

⁸ Chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp.

	số người, số ngày, số lần,...)												
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)												
3	Kinh phí quản lý (của cơ quan chủ trì)												
4	Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp												
	- Chi phí kiểm tra nội bộ												
	- Chi phí nghiệm thu trung gian												
	- Chi phí nghiệm thu nội bộ												
	- Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý Đề tài/Dự án												
5	Chi khác												
	- Hội thảo												
	- Dịch tài liệu												
	- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ												
	- Khác												
	Cộng:												

* Chi dự toán khi Đề tài/Dự án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các Đề tài/Dự án, dự án SXTN)

THUYẾT MINH¹
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP TỈNH

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1	Tên đề tài:	1a. Mã số của đề tài: <i>(được cấp khi hồ sơ trúng tuyển)</i>
2	Loại đề tài: - <input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình), Mã số: - <input type="checkbox"/> Độc lập - <input type="checkbox"/> Khác	
3	Thời gian thực hiện:tháng (từ tháng /năm 20... đến tháng /năm 20...)	
4	Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí: (triệu đồng), trong đó: - Từ ngân sách sự nghiệp khoa học: ... - Từ nguồn tự có của tổ chức - Từ nguồn khác: ...	
5	Phương thức khoán chi: <input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó: - Kinh phí khoán: triệu đồng - Kinh phí không khoán: triệu đồng
6	Chủ nhiệm đề tài:	
Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh: Nam/ Nữ: Học hàm, học vị: Chức danh khoa học: Chức vụ: Điện thoại của tổ chức: Nhà riêng: Mobile: Fax: E-mail: Tên tổ chức đang công tác: Địa chỉ tổ chức: Địa chỉ nhà riêng:		
7	Thư ký đề tài:	
Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh: Nam/ Nữ: Học hàm, học vị: Chức danh khoa học: Chức vụ: Điện thoại của tổ chức: Nhà riêng: Mobile: Fax: E-mail: Tên tổ chức đang công tác: Địa chỉ tổ chức: Địa chỉ nhà riêng:		
8	Tổ chức chủ trì đề tài²:	
Tên tổ chức chủ trì đề tài: Điện thoại: Fax: E-mail: Website:		

¹ Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4² Tổ chức chủ trì đăng ký chủ trì đề tài là tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài

Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
 Số tài khoản:
 Ngân hàng:
 Cơ quan chủ quản đề tài:

9 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài: (nếu có)

3. **Tổ chức 1** :
 Cơ quan chủ quản
 Điện thoại: Fax:
 Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
 Số tài khoản:
 Ngân hàng:
4. **Tổ chức 2** :
 Cơ quan chủ quản
 Điện thoại: Fax:
 Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
 Số tài khoản:
 Ngân hàng:

10 Các cán bộ thực hiện đề tài:

(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng quy đổi ¹¹)
1				
2				
...				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

11	Mục tiêu của đề tài: <i>(phát triển và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)</i>
12	Tình trạng đề tài: <input type="checkbox"/> Mới <input type="checkbox"/> Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả <input type="checkbox"/> Kế tiếp nghiên cứu của người khác
13	Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài: 13.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài <i>(Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài)</i> 13.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài <i>(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài)</i>
14	Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan: <i>(tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn)</i>
15	Nội dung nghiên cứu của đề tài:

¹¹ Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng

<i>(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; ghi rõ các chuyên đề nghiên cứu cần thực hiện trong từng nội dung)</i>					
<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung 1 - Nội dung 2 - ... 					
16	Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài:				
<i>(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)</i>					
<ul style="list-style-type: none"> - Sưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính) - Hội thảo/toạ đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu) - Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp) - Khảo sát nước ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung) - 					
17	Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:				
<i>(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)</i>					
Cách tiếp cận:					
Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:					
18	Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:				
<i>[Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong đề tài; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có]</i>					
19	Phương án hợp tác quốc tế: (nếu có)				
<i>(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)</i>					
20	Kế hoạch thực hiện:				
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí
1	Nội dung 1				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
2	Nội dung 2				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				

* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 10

III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI

21	Sản phẩm chính của Đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt: (liệt kê theo dạng sản phẩm)		
21.1 Dạng I: Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.			
TT	Tên sản phẩm <i>(ghi rõ tên từng sản phẩm)</i>	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
21.2 Dạng II: Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác			

TT	Tên sản phẩm (ghi rõ tên từng sản phẩm)	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
22	<p align="center">Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:</p> <p align="center">22.1 Lợi ích của đề tài:</p> <p>a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)</p> <p>b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)</p> <p>22.2 Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu: (Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)</p>			

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

23	Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi:						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				Chi khác
Trả công lao động (khoa học, phổ thông)			Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ		
1	Tổng kinh phí Trong đó: Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất*: - Năm thứ hai*:						
2	Nguồn khác (vốn huy động, ...)						

(*): chỉ dự toán khi đề tài đã được phê duyệt

Ngày.....tháng năm 20...

Chủ nhiệm đề tài
(Họ tên và chữ ký)

Ngày.....tháng năm 20...

Tổ chức chủ trì đề tài
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày.....tháng năm 20...

Ngày.....tháng năm 20...
Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Kạn¹²
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn									
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH									Khác
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định*		
1	2	3	4	5=(7+9+11)	6=(8+10+12)	7	8	9	10	11	12	13	
1	Trả công lao động (khoa học, phổ thông) gồm: Nội dung 1 Nội dung 2 Nội dung 3...												
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng												
3	Thiết bị, máy móc												
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ												
5	Chi khác Trong đó: - Công tác trong nước (địa điểm, thời gian) - Hợp tác quốc tế (nước, số người)												
	Tổng cộng:												

* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn								Khác
						Ngân sách SNKH								
						Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định*	
2	Năng lượng, nhiên liệu													
3	Mua sách, tài liệu, số liệu													
Cộng:														

* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Mục chi	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn				Khác
							Ngân sách SNKH				
							Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai *	Năm thứ ba *	
1	Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài (chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3)		3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Thiết bị mua mới										
3	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)										
Cộng:											

* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn				Khác
			Ngân sách SNKH				
			Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba *	
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							
3							
4							
	Cộng:						

* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

Khoản 5. Chi khác

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số		Nguồn vốn								Khác	
		Mục chi	Tổng	Ngân sách SNKH									
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định*		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1	Công tác trong nước (địa điểm, thời gian, số lượt người)												
2	Hợp tác quốc tế												
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần)												
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)												
3	Kinh phí quản lý (của cơ quan chủ trì)												
4	Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp												
	- Chi phí kiểm tra nội bộ												
	- Chi nghiệm thu trung gian												
	- Chi phí nghiệm thu nội bộ												
	- Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài												
5	Chi khác												
	- Hội thảo												
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm												
	- Dịch tài liệu												
	- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ												
	- Khác												
6	Phụ cấp chủ nhiệm đề tài												
7												
	Cộng:												

* Chi dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

THUYẾT MINH¹¹ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP TỈNH

I. Thông tin chung về dự án

1	Tên dự án	1a	Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):
2	Thời gian thực hiện: tháng (Từ tháng /20.... đến tháng /20....)	3	Cấp quản lý Tỉnh <input type="checkbox"/>
4	<input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (ghi rõ tên chương trình, nếu có) <input type="checkbox"/> Thuộc dự án KH&CN <input type="checkbox"/> Dự án độc lập		
5	Tổng vốn thực hiện dự án: triệu đồng, trong đó:		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học		
	- Vốn tự có của tổ chức chủ trì		
	- Khác (liên doanh...)		
6	Phương thức khoán chi: <input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng <input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó: - Kinh phí khoán: triệu đồng - Kinh phí không khoán: triệu đồng		
7	Chủ nhiệm dự án		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> / Nữ: <input type="checkbox"/>		
	Học hàm, học vị / Trình độ chuyên môn:		
	Chức danh khoa học: Chức vụ:		
	Điện thoại: Tổ chức: Nhà riêng: Mobile:		
	Fax: E-mail:		
	Tên tổ chức đang công tác:		
	Địa chỉ tổ chức:		
	Địa chỉ nhà riêng:		
8	Thư ký Dự án		
	Họ và tên:.....		
	Năm sinh: Giới tính: N <input type="checkbox"/> / N <input type="checkbox"/>		
	Học hàm, học vị / Trình độ chuyên môn:		
	Chức danh khoa học:		
	Chức vụ:		
	Điện thoại: Tổ chức: Nhà riêng: Mobile:		
	Fax: E-mail:		
	Tên tổ chức đang công tác:		
	Địa chỉ tổ chức:		
	Địa chỉ nhà riêng:		
9	Tổ chức chủ trì thực hiện dự án		
	Tên tổ chức chủ trì dự án:.....		
	Điện thoại: Fax:		
	E-mail:		
	Website:		
	Địa chỉ:		
	Họ và tên thủ trưởng tổ chức:		
	Số tài khoản:		

¹¹ Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

Kho bạc Nhà nước /Ngân hàng:				
Tên cơ quan chủ quản dự án:				
10	Tổ chức tham gia chính			
10.1. Tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ				
Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ:				
Điện thoại: Fax:				
E-mail: Website:				
Địa chỉ:				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:				
Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của dự án:				
10.2. Tổ chức khác				
Tên tổ chức:				
Điện thoại: Fax:				
E-mail: Website:				
Địa chỉ:				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:				
11	Cán bộ thực hiện Dự án			
<i>(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm Dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1 -4-LLCN. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)</i>				
TT	Họ và tên	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi¹²)
1				
2				
...				
12	Xuất xứ			
[Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:				
- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị (tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu / Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền);				
- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp);				
- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan);				
- Sản phẩm khoa học và công nghệ khác.]				
13	Luận cứ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án			
13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án (Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,...).				
13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án (Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu; nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).				
13.3. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng (Tác động của sản phẩm dự án đến phát triển KT -XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).				
13.4. Năng lực thực hiện dự án (Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất - kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro).				
13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án (Nêu rõ phương án về tổ chức				

¹² Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng

sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất -kinh doanh,...).

II. Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai Dự án

14	Mục tiêu <i>14.1 Mục tiêu của dự án sản xuất¹³ hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra (Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);</i> <i>14.2 Mục tiêu của dự án sản xuất thử nghiệm (Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)</i>
15	Nội dung <i>15.1 Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án</i> <i>15.2 Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ (Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của dự án sản xuất thử nghiệm);</i> <i>15.3 Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm.</i>
16	Phương án triển khai <i>16.1. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:</i> <i>a) Phương thức tổ chức thực hiện:</i> <i>(-Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp): cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH & CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;</i> <i>- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch /phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)</i> <i>b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án:</i> <i>- Địa điểm thực hiện dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m²), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....;</i> <i>- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án;.....);</i> <i>- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);</i> <i>- Nhân lực cần cho triển khai dự án: số cán bộ khoa học công nghệ và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).</i> <i>- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục);</i> <i>16.2. Phương án tài chính (Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án) trên cơ sở:</i> <i>- Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);</i> <i>- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án (kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2-3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia dự án,...);</i> <i>- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).</i> <i>- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án (theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có); thời</i>

¹³ Dự án sản xuất là phương án triển khai sau khi Dự án sản xuất thử nghiệm kết thúc.

TT	Nội dung	Thành tiền (1.000 đ)
1	2	3
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng: (4) - (thuế + lãi vay + các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

Chú thích:

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;
- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;
- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

$$\text{Thời gian thu hồi vốn } T = \frac{\text{Tængng\} \text{Çut-}}{\text{L.i r\}ng + \text{Kh\}uhao} = \text{..... năm}$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư} = \frac{\text{L.i r\}ng}{\text{Tængng\} \text{Çut-}} \times 100 = \text{..... \%};$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu} = \frac{\text{L.i r\}ng}{\text{Tængloanhthu}} \times 100 = \text{..... \%};$$

19 Hiệu quả kinh tế H - xã hội

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường...)

IV. Kết luận và kiến nghị

....., ngày..... tháng năm 20....

Chủ nhiệm dự án
(Họ, tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng năm 20....

Tổ chức chủ trì dự án
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng năm 20....

....., ngày..... tháng năm 20....

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
BẮC KẠN**

4		Mua phần mềm máy tính										
5		Vận chuyển lắp đặt										
6		Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chi ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động)										
Cộng:												

C: Ngân sách Nhà nước chi hỗ trợ mua nguyên chiếc thiết bị, máy móc

* Chi dự toán khi dự án được phê duyệt

Phụ lục 4-TMDA

Chi phí hỗ trợ công nghệ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Chi phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất *	Năm thứ hai *	Năm thứ ba *		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A		Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)							
1		- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ							
2		- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật							
3		- ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào							
4		- ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm							
5								
B		Chi phí đào tạo công nghệ							
1		- Cán bộ công nghệ							
2		- Công nhân vận hành							
3								
Cộng									

* Chi dự toán khi dự án được phê duyệt

Phụ lục 5-TMDA
Đầu tư cơ sở hạ tầng

Đơn vị: triệu đồng

A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại)

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
Cộng A:					

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn						
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác	
				Tổng số	Năm thứ nhất *	Năm thứ hai *	Năm thứ ba *			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1		Xây dựng nhà xưởng mới								
2		Chi phí sửa chữa cải tạo								
3		Chi phí lắp đặt hệ thống điện								
4		Chi phí lắp đặt hệ thống nước								
5		Chi phí khác								
Cộng B:										

** Chi dự toán khi dự án được phê duyệt*

Phụ lục 6-TMDA

Chi phí lao động

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Số người	Số tháng	Chi phí tr. đ/ người / tháng	Thành tiền	Nguồn vốn					
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất *	Năm thứ hai *	Năm thứ ba *		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1		Chủ nhiệm Dự án										
2		Kỹ sư										
3		Nhân viên kỹ thuật										
4		Công nhân										
Cộng												

** Chi dự toán khi dự án được phê duyệt*

Phụ lục 7-TMDA
Chi khác cho Dự án

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Thành tiền	Nguồn vốn									Tự có	Khác
				Ngân sách SNKH N										
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định *			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
1		Công tác phí - Trong nước - Ngoài nước												
2		Quản lý phí - Quản lý hành chính thực hiện dự án												
3		Sửa chữa, bảo trì thiết bị												
4		Chi phí kiểm tra, đánh giá nghiệm thu: - Chi phí kiểm tra trung gian - Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở												
5		Chi khác: - Hội thảo, hội nghị, - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, - Thông tin tuyên truyền, tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm - Báo cáo tổng kết, - In ấn, - Phụ cấp chủ nhiệm dự án,...												
		Cộng												

* Chi dự toán khi được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

Phụ lục 8-TMDA
Kế hoạch tiến độ thực hiện

T T	Nội dung công việc	Tháng																								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	...
1	Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng																									
2	Hoàn thiện công nghệ																									
3	Chế tạo, mua thiết bị																									
4	Lắp đặt thiết bị																									
5	Đào tạo công nhân																									
6	Sản xuất thử nghiệm (các đợt)																									
7	Thử nghiệm mẫu																									
8	Hiệu chỉnh công nghệ																									
9	Đánh giá nghiệm thu																									

Phụ lục 9-TMDA
Về khả năng chấp nhận của thị trường
I. Nhu cầu thị trường

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng có thể tiêu thụ trong năm:			Chú thích
			20..	20..	20..	
1	2	3	4	5	6	7

II. Phương án sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng sản xuất trong năm:			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			20..	20..	20..		
1	2	3	4	5	6	7	8

III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7

THUYẾT MINH¹

ĐỀ ÁN KHOA HỌC CẤP TỈNH

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ ÁN

1	Tên đề án:	1a. Mã số của đề án: <i>(được cấp khi hồ sơ trúng tuyển)</i>
2	Loại đề án:	
	<ul style="list-style-type: none"> - <input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình), Mã số: - <input type="checkbox"/> Độc lập - <input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ tên) 	
3	Thời gian thực hiện:tháng (từ tháng /năm 20... đến tháng /năm 20...)	
4	Kinh phí thực hiện:	
	Tổng kinh phí: (triệu đồng), trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - Từ ngân sách sự nghiệp khoa học: ... - Từ nguồn tự có của tổ chức - Từ nguồn khác: ... 	
5	Phương thức khoán chi:	
	<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - Kinh phí khoán: triệu đồng - Kinh phí không khoán: triệu đồng
6	Chủ nhiệm đề án:	
	Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh: Nam/ Nữ: Học hàm, học vị:..... Chức danh khoa học: Chức vụ:..... Điện thoại của tổ chức: Nhà riêng: Mobile:..... Fax: E-mail: Tên tổ chức đang công tác:..... Địa chỉ tổ chức:..... Địa chỉ nhà riêng:	
7	Thư ký đề án:	
	Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh: Nam/ Nữ: Học hàm, học vị: Chức danh khoa học: Chức vụ: Điện thoại của tổ chức: Nhà riêng: Mobile: Fax: E-mail: Tên tổ chức đang công tác: Địa chỉ tổ chức: Địa chỉ nhà riêng:	
8	Tổ chức chủ trì đề án²:	
	Tên tổ chức chủ trì đề án: Điện thoại: Fax: E-mail: Website:	

¹ Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

² Tổ chức đăng ký chủ trì đề án là tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề án

Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
 Số tài khoản:
 Ngân hàng:
 Cơ quan chủ quản đề án:

9 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề án: (nếu có)

5. **Tổ chức 1** :
 Cơ quan chủ quản
 Điện thoại: Fax:
 Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
 Số tài khoản:
 Ngân hàng:

6. **Tổ chức 2** :
 Cơ quan chủ quản
 Điện thoại: Fax:
 Địa chỉ:
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức:
 Số tài khoản:
 Ngân hàng:

3. Tổ chức

10 Các cán bộ thực hiện đề án:

(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề án. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho đề án (Số tháng quy đổi ¹⁶)
1				
2				
...				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

11 Mục tiêu của đề án: (phát triển và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)

.....

12 Tình trạng đề án:
 Mới Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả
 Kế tiếp nghiên cứu của người khác

13 Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề án:

13.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề án
(Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề án)

13.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề án
(Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề án, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề án)

14 Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề án đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:

¹⁶ Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng

<i>(tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn)</i>					
15	Nội dung nghiên cứu của đề án:				
<i>(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra)</i>					
Nội dung 1:.....					
Nội dung 2:.....					
Nội dung 3:.....					
16	Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề án:				
<i>(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề án)</i>					
<ul style="list-style-type: none"> - Suu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính) - Hội thảo/toạ đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu) - Đào tạo, tập huấn phục vụ đề án - Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp) - Khảo sát nước ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung) - 					
17	Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:				
<i>(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề án; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)</i>					
<i>Cách tiếp cận:</i>					
<i>Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:</i>					
18	Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:				
<i>[Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề án (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong đề án; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có]</i>					
19	Phương án hợp tác quốc tế: (nếu có)				
<i>(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề án; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề án)</i>					
20	Kế hoạch thực hiện:				
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí
1	<i>Nội dung 1</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
2	<i>Nội dung 2</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				

* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 10

III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ ÁN

21	Sản phẩm chính của đề án và yêu cầu chất lượng cần đạt: (liệt kê theo dạng sản phẩm)		
21.1 Dạng I: Báo cáo khoa học của đề án (báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); dự thảo cơ chế chính sách; kết quả dự báo; mô hình; quy trình, quy phạm; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác.			
TT	Tên sản phẩm <i>(ghi rõ tên từng sản phẩm)</i>	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
1			

2				
...				
21.2 Dạng II: Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác				
TT	Tên sản phẩm (ghi rõ tên từng sản phẩm)	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tập chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
1				
2				
...				
22	Lợi ích của đề án và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:			
22.1 Lợi ích của đề án:				
a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc hoạch định và thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)				
b) Góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề án, đào tạo sau đại học (số người được đào tạo thạc sĩ - tiến sĩ, chuyên ngành đào tạo)				
22.2 Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:				
(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)				

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

23	Kinh phí thực hiện đề án phân theo các khoản chi:						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				Chi khác
			Trả công lao động (khoa học, phổ thông)	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	
1	Tổng kinh phí Trong đó: Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất*: - Năm thứ hai*:						
2	Nguồn khác (vốn huy động, ...)						

(*): chi dự toán khi đề tài đã được phê duyệt

Ngày.....tháng năm 20...

Ngày.....tháng năm 20...

Chủ nhiệm đề án
(Họ tên và chữ ký)

Tổ chức chủ trì đề án
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày.....tháng năm 20...

Ngày.....tháng năm 20...

DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ ÁN

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn								Khác	
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH									
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định*		
1	2	3	4	5=(7+9+11)	6=(8+10+12)	7	8	9	10	11	12	13	
1	Trả công lao động (khoa học, phổ thông) gồm: Nội dung 1 Nội dung 2 Nội dung 3...												
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng												
3	Thiết bị, máy móc												
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ												
5	Chi khác Trong đó: - Công tác trong nước (địa điểm, thời gian) - Hợp tác quốc tế (nước, số người)												
	Tổng cộng:												

* Chỉ dự toán khi đề án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn								Khác
						Ngân sách SNKH								
						Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định*	
2	Năng lượng, nhiên liệu													
3	Mua sách, tài liệu, số liệu													
Cộng:														

* Chỉ dự toán khi đề án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Mục chi	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn				Khác
							Ngân sách SNKH				
							Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*	
1	Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề án (chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3)		3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Thiết bị mua mới										
3	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)										
Cộng:											

	- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ											
	- Khác											
6	Phụ cấp chủ nhiệm đề án											
7											
	Cộng:											

** Chỉ dự toán khi đề án được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*